

FPT Telecom

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

https://www.fpt.vn/

Tầng 5, tòa nhà PVI,
Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

1. FPT TELECOM 2017

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....4
- Các chỉ số cơ bản và hoạt động nổi bật năm 2017.....6

2. TỔNG QUAN

- Giới thiệu công ty.....8
- Lịch sử hình thành và phát triển.....9
- Ngành nghề kinh doanh.....11
- Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý.....13
- Công ty con.....14
- Giới thiệu Ban lãnh đạo.....15
- Định hướng phát triển.....20

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

- Tình hình tài chính nổi bật năm 2017.....23
- Đánh giá của Ban Điều hành.....25
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị.....29
- Kế hoạch năm 2018.....31

4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị.....33
- Hoạt động của Ban Kiểm soát.....34
- Quan hệ Nhà đầu tư.....35
- Phát triển bền vững.....37

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến của Kiểm toán viên.....44
- Báo cáo tài chính 2017.....46

6. DANH BẠ CÔNG TY

https://www.fpt.vn/

Tầng 5, tòa nhà PVI,
Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

FPT TELECOM 2017





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua!

Kính thưa Quý vị!

Năm 2017 đánh dấu kỷ niệm 20 năm tuổi, bước sang tuổi 21 với định hướng mới: "*Chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ sang nhà cung cấp trải nghiệm*". Kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty tiếp tục thể hiện sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Doanh thu thuần đạt 7.651 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2016; lợi nhuận trước thuế đạt 1.217 tỷ đồng, tăng trưởng 2,0% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 975 tỷ đồng; tổng tài sản đạt 8.218 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 3.302 tỷ đồng, tăng 8,2% so với năm 2016.

Với phương châm "Khách hàng là trọng tâm" và nhân dịp kỷ niệm 20 năm tuổi; FPT Telecom triển khai một loạt các hoạt động nhằm tri ân và tăng cường trải nghiệm cho khách hàng. Về chất lượng dịch vụ internet băng thông rộng, FPT Telecom tiến hành nâng băng thông cho các gói cước internet lên đến 30% và hoàn toàn miễn phí; tiên phong đưa vào triển khai modem wifi băng tần kép thế hệ mới; giới thiệu FPT Play Box thế hệ mới 2018 có khả năng cung cấp nội dung chuẩn 4K và tốc độ xử lý vượt trội. Về nội dung truyền hình, FPT Telecom liên tục làm giàu thêm nội dung truyền hình phục vụ khách hàng bằng hàng loạt các chương trình mới, chất lượng như Mở két, Kịch tương tác, Big School. Về tiện ích, FPT Telecom thường xuyên nghiên cứu, bổ sung các tính năng mới cho ứng dụng Hi-FPT; triển khai dịch vụ Auto Pay nhằm mang lại sự thuận tiện tối đa cho khách hàng.



Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc duy trì tốc độ tăng trưởng các mảng kinh doanh ở mức hai con số là nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong việc đổi mới hoạt động kinh doanh, nắm bắt và xử lý nhanh nhạy các vấn đề phát sinh, đề cao tinh thần đổi mới sáng tạo; cải thiện chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng.

Trong những năm tới, FPT Telecom sẽ tiếp tục tập trung quang hóa hạ tầng tại các địa bàn đang còn sử dụng cáp đồng trên toàn quốc; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ internet; đẩy mạnh phát triển nội dung dịch vụ truyền hình; liên tục lắng nghe, đổi mới để tăng cường sự hài lòng của khách hàng; bắt kịp các xu hướng về IoT, SMAC hay Cách mạng công nghiệp 4.0…

Năm 2018, FPT Telecom đặt mục tiêu tăng trưởng ở mức 2 con số với kế hoạch doanh thu là 8.670 tỷ đồng, tăng trưởng 13,3% và kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 1.394 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với năm 2017.

Với sự nhiệt huyết, tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi quyết tâm hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Rất mong quí vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi, hướng đến tương lai, nâng thương hiệu FPT Telecom lên tầm cao mới.

Một lần nữa xin chân thành cám ơn quý vị,

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHU THỊ THANH HÀ

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN VÀ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT 2017



SỰ KIỆN NỔI BẬT

- Chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

- Tăng tốc độ đường truyền với giá cước không đổi cho tất cả khách hàng sử dụng internet cáp quang
- Trang bị modem wifi băng tần kép cho khách hàng đăng ký mới

NỘI DUNG ĐA DẠNG, PHONG PHÚ

- Mở két, Kịch tương tác, Big School

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

» Top ICT Việt Nam 2017
» Digital Transfomers of the Year 2016
» Huy chương vàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin triển vọng 2015
» Giải Sao Khuê (2012-2015)
» Top 80 doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu (2015)
» Thương hiệu Việt tiêu biểu 2014

TỔNG QUAN

"Với sứ mệnh tiên phong đưa Internet đến với người dân Việt Nam và mong muốn mỗi gia đình Việt Nam đều sử dụng ít nhất một dịch vụ của FPT Telecom, đồng hành cùng phương châm "Khách hàng là trọng tâm", chúng tôi không ngừng nỗ lực đầu tư hạ tầng, nâng cấp chất lượng sản phẩm – dịch vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ mới để mang đến cho khách hàng những trải nghiệm sản phẩm dịch vụ vượt trội."

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 07 tháng 08 năm 2017 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 21 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Vốn điều lệ: 1.507.832.590.000 đồng

Tên viết tắt: FTEL

Mã chứng khoán: FOX



Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Văn phòng Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

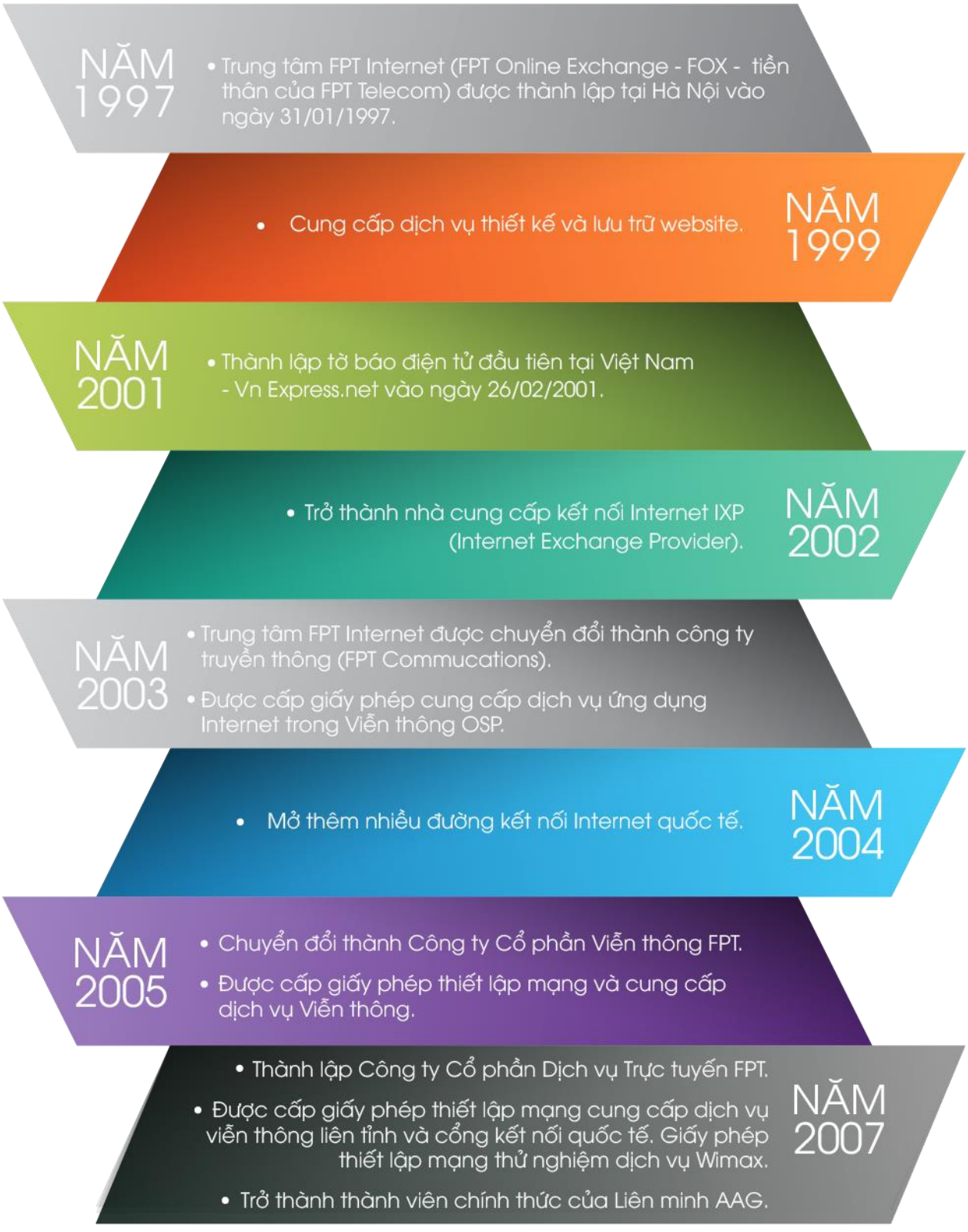
Văn phòng HCM: Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh

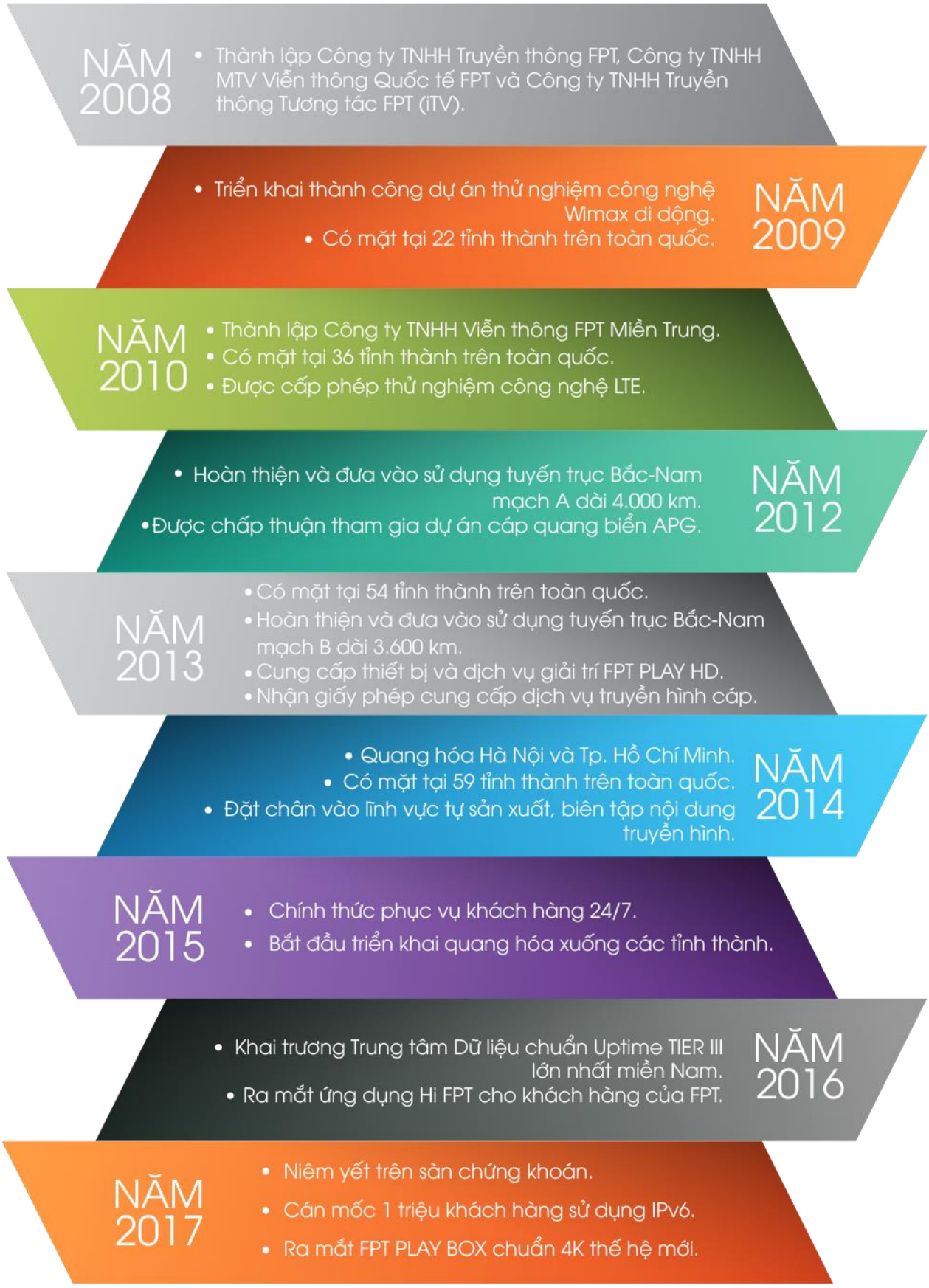
Điện thoại: (84-24) 7300 2222 **Fax:** (84-24) 3795 0047

Website: www.fpt.vn

Facebook chính thức: www.facebook.com/FptTelecom

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN




NĂM 2008
• Thành lập Công ty TNHH Truyền thông FPT, Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và Công ty TNHH Truyền thông Tương tác FPT (iTV).
NĂM 2009
• Triển khai thành công dự án thử nghiệm công nghệ Wimax di động.
• Có mặt tại 22 tỉnh thành trên toàn quốc.
NĂM 2010
• Thành lập Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Trung.
• Có mặt tại 36 tỉnh thành trên toàn quốc.
• Được cấp phép thử nghiệm công nghệ LTE.
NĂM 2012
• Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến trục Bắc-Nam mạch A dài 4.000 km.
• Được chấp thuận tham gia dự án cáp quang biển APG.
NĂM 2013
• Có mặt tại 54 tỉnh thành trên toàn quốc.
• Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến trục Bắc-Nam mạch B dài 3.600 km.
• Cung cấp thiết bị và dịch vụ giải trí FPT PLAY HD.
• Nhận giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình cáp.
NĂM 2014
• Quang hóa Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.
• Có mặt tại 59 tỉnh thành trên toàn quốc.
• Đặt chân vào lĩnh vực tự sản xuất, biên tập nội dung truyền hình.
NĂM 2015
• Chính thức phục vụ khách hàng 24/7.
• Bắt đầu triển khai quang hóa xuống các tỉnh thành.
NĂM 2016
• Khai trương Trung tâm Dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam.
• Ra mắt ứng dụng Hi FPT cho khách hàng của FPT.
NĂM 2017
• Niêm yết trên sàn chứng khoán.
• Cán mốc 1 triệu khách hàng sử dụng IPv6.
• Ra mắt FPT PLAY BOX chuẩn 4K thế hệ mới.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cung cấp hạ tầng và dịch vụ viễn thông

- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế.

Cung cấp dịch vụ Truyền hình trả tiền, dịch vụ trực tuyến và nội dung số

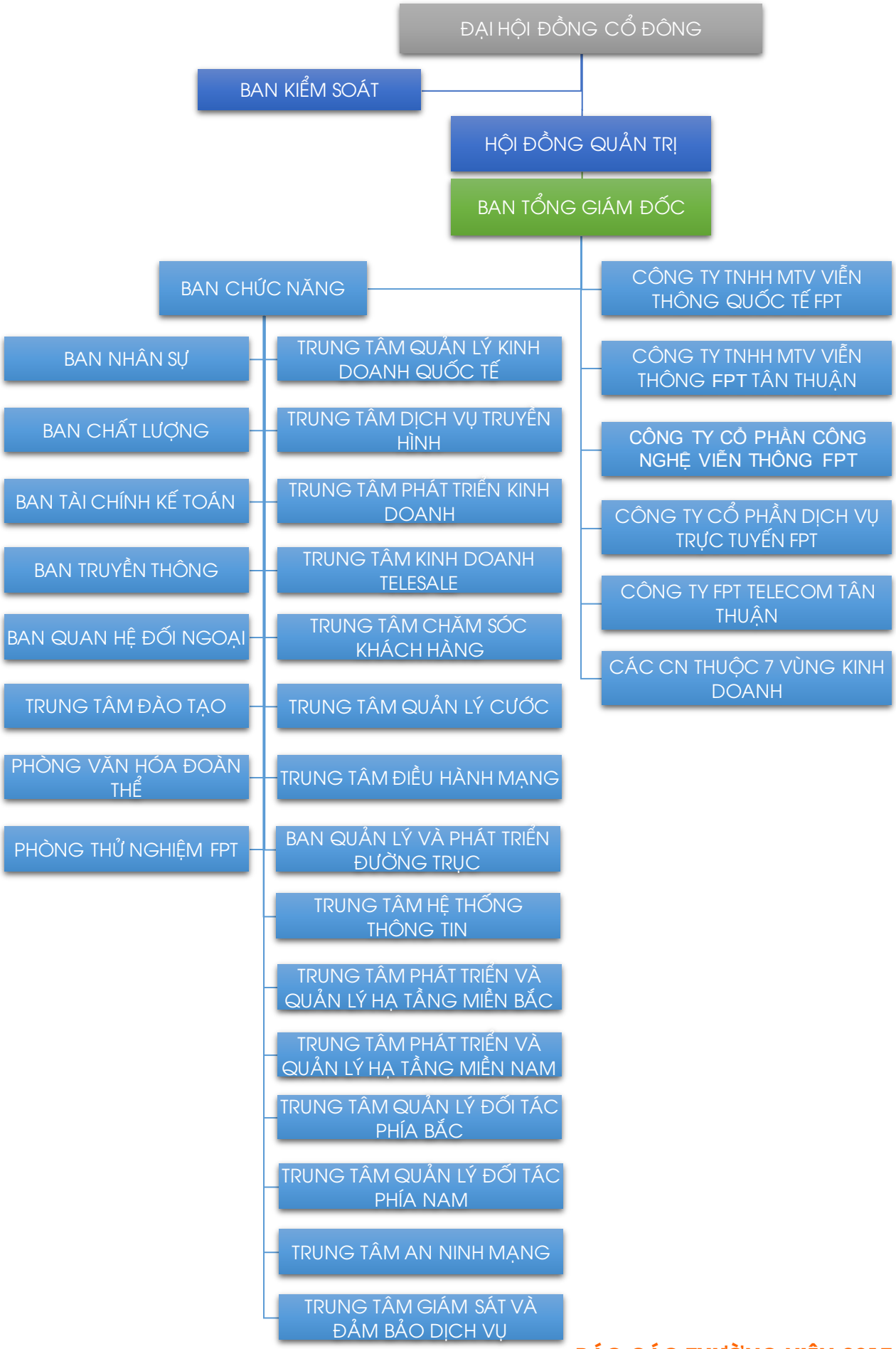
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và Internet.
- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền bao gồm dịch vụ truyền hình cáp (công nghệ số, tương tự) và dịch vụ truyền hình IPTV.
- Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và sản xuất chương trình âm nhạc.

Các hoạt động khác

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet. Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan; Cổng thông tin.
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- Quảng cáo.


FPT Telecom
FPT Play
FPT
Truyền hình
voice
Fsend
Fshare
FPT
Internet
cloud

CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON

100%

Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế (FTI)

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác

100%

Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

99,99%

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)

Vốn điều lệ: 69.000.000.000 VNĐ

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

59,12%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)

Vốn điều lệ: 140.853.360.000 VNĐ

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị



Bà **Chu Thị Thanh Hà** - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty Viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGĐ FPT Telecom (2003); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGĐ FPT Telecom (2009); Phó Tổng Giám đốc FPT (2012).



Ông **Trương Gia Bình** - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT.

Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Ông là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam và đóng góp nhiều ý kiến cho các lãnh đạo Việt Nam trong việc hoạch định chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam.



Ông **Bùi Quang Ngọc** - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ sở dữ liệu

Ông Bùi Quang Ngọc là một trong 13 thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các công ty thành viên quan trọng như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Là một nhà quản trị xuất sắc của FPT, ông Ngọc là người triển khai xây dựng và tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị FPT, đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn hiệu quả, chuẩn xác và theo quy chuẩn chất lượng quốc tế.



Ông **Lê Huy Chí** - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Ông Lê Huy Chí từng đảm nhiệm các vị trí Phó trưởng Ban quản lý kinh doanh chứng khoán tại UBCK; Trưởng Ban Quản lý vốn đầu tư 4; Trưởng Ban Kế hoạch Tổng hợp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Ông được bổ nhiệm là Thành viên HĐTV của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước từ ngày 25 tháng 10 năm 2016. Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2013- 2018.



Ông **Nguyễn Văn Khoa** - Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, …

Ông hiện là Tổng Giám đốc FPT Telecom kiêm Giám đốc Chi nhánh HCM của FPT.



Ông **Nguyễn Hồng Hiển** - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật Tài chính

Ông Nguyễn Hồng Hiển là Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước. Công tác tại SCIC từ năm 2007, Ông Hiển đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Chánh Văn phòng Điều hành, Trưởng Ban Kế hoạch Tổng hợp, Trưởng Ban Quản lý vốn đầu tư 4 của SCIC.

Ông có bằng cử nhân kinh tế-tài chính và bằng thạc sỹ Luật Tài chính Ngân hàng tại Đại học tổng hợp Luân Đôn, Vương quốc Anh.

Ban Giám đốc



Ông **Nguyễn Văn Khoa** - Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty Viễn thông Quốc tế FPT, …

Ông hiện là Tổng Giám đốc FPT Telecom kiêm Giám đốc Chi nhánh HCM của FPT.



Ông Nguyễn Hoàng Linh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam.

Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012 Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà **Vũ Thị Mai Hương** - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993. Đến nay, bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí ở FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FPT Telecom International – FTI), Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Chu Hùng Thắng** - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử Viễn thông

Trong thời gian 2001-2007, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Sau đó, ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí thuộc FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Hoàng Trung Kiên** - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2000 và trải qua nhiều vị trí như Phó Giám đốc Trung tâm dữ liệu Internet, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH IDS, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội 1, Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh, Giám đốc điều hành kinh doanh vùng Hà Nội và vùng Tây Bắc Bộ. Năm 2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông **Vũ Anh Tú** - Phó Tổng Giám Đốc kiêm GĐ công nghệ

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 2001. Năm 2008, ông giữ chức vụ Giám Đốc Trung tâm Điều hành của FPT Telecom. Năm 2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công nghệ của FPT Telecom. Năm 2016, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc FPT Telecom.



Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2009 với vị trí Phó Ban Tài Chính. Năm 2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính.

Ban Kiểm soát



Ông **Lương Quốc Lân** - Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Tài Chính

Gia nhập FPT từ năm 2003, hiện tại, ông đảm nhiệm vị trí trưởng Bộ phận phân tích đầu tư, Ban Tài chính Công ty Cổ phần FPT.



Ông **Phan Phương Đạt** - Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ toán học

Ông gia nhập FPT từ năm 1999, trong gần 20 năm làm việc tại FPT trên nhiều cương vị quan trọng như Giám đốc nhân sự FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Software, Hiệu phó Đại học FPT… Hiện tại, ông là Trưởng ban Đào tạo FUNiX, đồng thời phụ trách Câu lạc bộ Tài năng trẻ FPT (FPT Young Talents – FYT)



Ông **Phan Văn Chung** - Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kiểm toán

Hiện tại, ông đang công tác tại Ban Đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu ***"Trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hàng đầu khu vực, tiên phong về công nghệ, hạ tầng và chuyển đổi số hóa"***, FPT Telecom xác định các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2018-2020 như sau:

Trở thành Tập đoàn viễn thông toàn cầu

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế;
- Đầu tư cáp biển, mở rộng mạng lưới kết nối quốc tế;
- Tham gia chuỗi giá trị gia tăng và trở thành đối tác hàng đầu của các Tập đoàn viễn thông quốc tế;
- Đẩy mạnh các hoạt động M&A với các đối tác nước ngoài, mở thêm hoạt động kinh doanh tại Nhật Bản, Singapore.

Số 1 về dịch vụ điện toán đám mây và giải pháp số hóa cho doanh nghiệp

- Tham gia các liên minh, đối tác cung cấp giải pháp Cloud quốc tế của Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc;
- Đẩy mạnh đầu tư, hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực điện toán đám mây Cloud, lĩnh vực IoT;
- Nâng cao năng lực dữ liệu lớn và điện toán đám mây (công cụ, đội ngũ chuyên gia, quy mô dữ liệu …).

Tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số (Digital Transformation)

- Đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ chuyển đổi số vào các hoạt động quản trị nội bộ (số hóa, mobile hóa, cloud hóa các quy trình nghiệp vụ và chuyển đổi toàn bộ hệ thống quản trị thông tin, quản trị hạ tầng mạng viễn thông sang nền tảng số);
- Chuyển đổi số hóa các nguồn lực (nhân sự, tài sản, công cụ…), tăng cường các công cụ và tiện ích (SSC, phòng họp tiện dụng, Data Center…) chia sẻ thông tin và tài nguyên;
- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số (IoT, Data Analytics, AI);
- Đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) về Cloud, Mobility, AI, Blockchains;
- Xây dựng platform for IoT, thử nghiệm các công nghệ mới như LORA, WIFI.



Hạ tầng đi trước, đổi mới và khác biệt

- Tiên phong chuyển đổi, nâng cấp hạ tầng viễn thông theo xu hướng hội tụ và số hóa, cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ chạy trên mọi hạ tầng;
- Mở rộng mạng lưới hạ tầng viễn thông cố định làm nền tảng cho các dịch vụ số tương lai;
- Đầu tư sở hữu tài sản viễn thông, đài trạm, trụ sở tại các thành phố lớn;
- Đẩy nhanh quá trình quang hóa hạ tầng tại các tỉnh và thành phố, chuyển đổi toàn bộ khách hàng từ cáp đồng sang cáp quang trong 2 năm tiếp theo;
- Đẩy mạnh hợp tác, kinh doanh, chia sẻ hạ tầng với các đối tác viễn thông trong nước và quốc tế;
- Đầu tư mạnh mẽ vào những thị trường tiềm năng, khu đô thị, tòa nhà, chung cư… bằng các hình thức đầu tư trực tiếp, góp vốn, M&A;
- Đầu tư xây dựng các trung tâm cơ sở dữ liệu mới theo tiêu chuẩn quốc tế với ngân sách dự kiến trong vòng 3 năm tới khoảng 1.500 tỷ;

Khách hàng là trọng tâm

- Triển khai chương trình quản trị trải nghiệm khách hàng (CEM);
- Thực hiện đo các chỉ tiêu về Sự hài lòng của Khách hàng;
- Xây dựng hệ thống Omnichannel/CX platform và quản trị trải nghiệm khách hàng trên cơ sở số hóa, Big data…;
- Chăm sóc khách hàng chủ động thông qua phân tích dữ liệu lớn Big data;
- Nâng cấp chất lượng hạ tầng viễn thông một cách toàn diện và khác biệt tại các khu vực có hạ tầng của FPT.

Tập trung phát triển các hướng kinh doanh mới

- Tìm kiếm các thị trường mới, cơ hội mới để mở rộng kinh doanh, gia tăng tiện ích, trải nghiệm cho người dùng.
- Tìm kiếm đối tác chiến lược về Nội dung số; Sản xuất cung cấp nội dung; Thanh toán trực tuyến; Quảng cáo và platform Quảng cáo; Internet Vạn Vật (IoT); …

"More digital, More value"

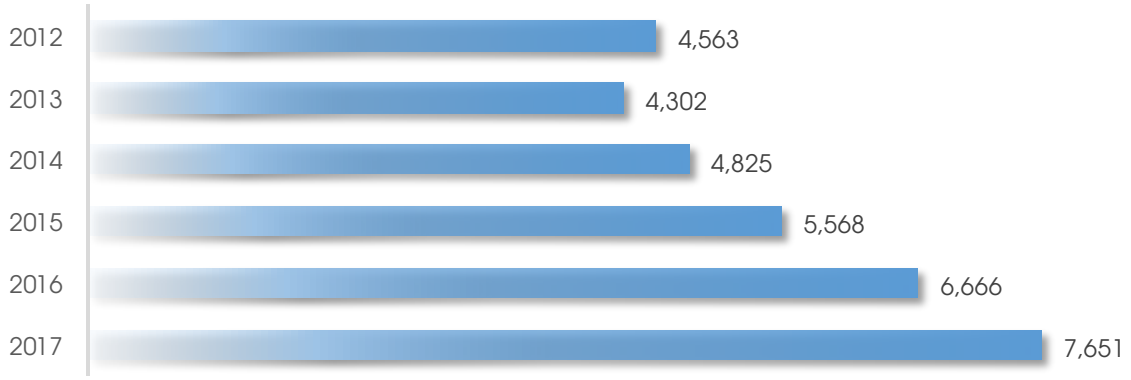


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2017

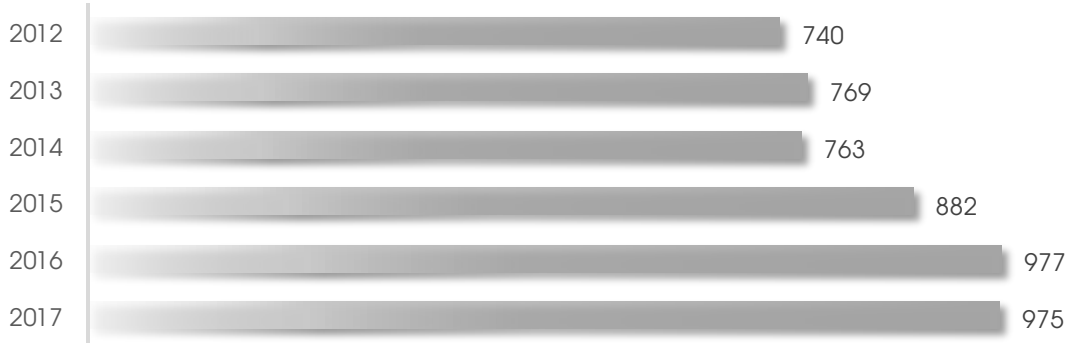
DOANH THU THUẦN ĐẠT 7.651 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 14,8% YOY.



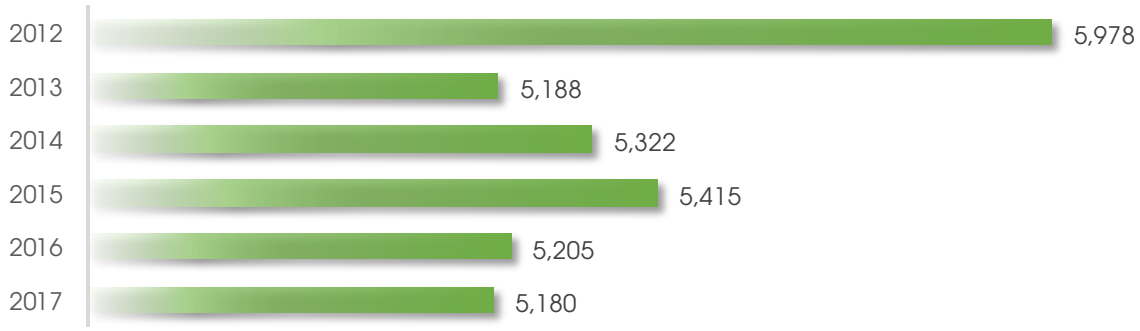
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 1,217 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 2,0% YOY



LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 975 TỶ ĐỒNG, GIẢM 0,2%.

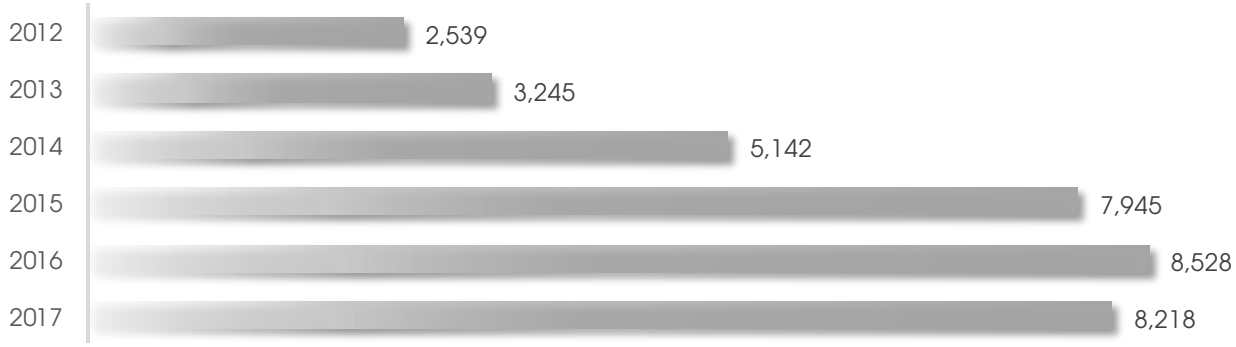


EPS ĐẠT 5.180 ĐỒNG/CP, GIẢM NHẸ SO VỚI NĂM 2016

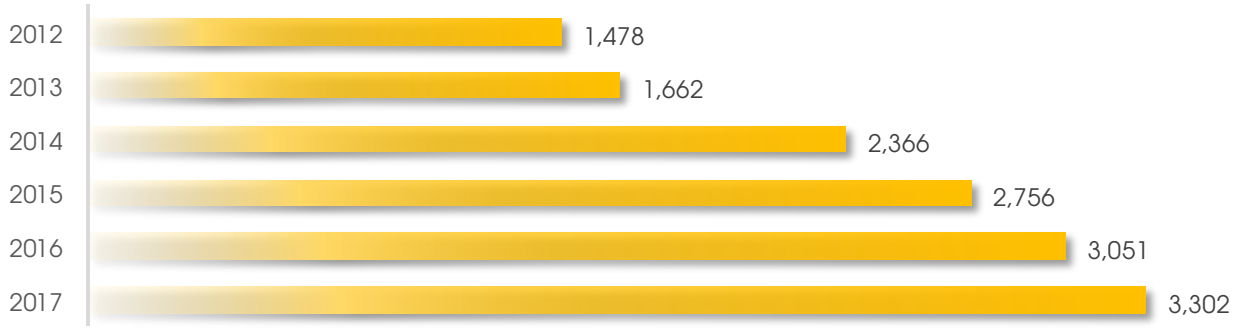


(*) EPS từ 2011 đến 2016 được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu các năm 2013, 2015 và 2016; và quy định mới về cách tính EPS theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT 8.218 TỶ ĐỒNG, GIẢM 3,6%



VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẠT 3.202 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 8,2%



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng giảm
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	*Triệu đồng*	7,651,360	6,666,468	14.8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	*Triệu đồng*	1,238,648	1,189,425	4.1%
Lợi nhuận trước thuế	*Triệu đồng*	1,216,922	1,192,756	2.0%
Lợi nhuận sau thuế	*Triệu đồng*	974,624	976,863	-0.2%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	*Đồng/Cp*	5,180	5,205	-0.5%

Năm 2017, FPT Telecom tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng và sự ổn định, Doanh thu hợp nhất toàn công ty đạt 7.651 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.217 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 975 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 5.180 đồng/cổ phần. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2017 đạt 8.218 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn là 4.260 tỷ đồng chiếm 51,8% tổng tài sản, tài sản dài hạn là 3.957 tỷ đồng chiếm 48,2% tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu đạt 3.302 tỷ đồng, tăng trưởng 8,2%, vốn điều lệ là 1.508 tỷ đồng, tăng trưởng 10,0% so với năm 2016.

Các mảng kinh doanh của FPT Telecom vẫn giữ mức tăng trưởng tốt. Doanh thu từ các dịch vụ internet băng rộng cho cá nhân và hộ gia đình ghi nhận tăng trưởng 11% so với năm 2016. Doanh thu từ các dịch vụ kênh thuê riêng, dịch vụ thoại, dịch vụ cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ, lưu trữ web và tên miền tăng trưởng 20% so với năm 2016. Doanh thu từ lĩnh vực nội dung số tăng trưởng 6% so với năm 2016 do thị trường quảng cáo gặp nhiều khó khăn.

Tài sản ngắn hạn và dài hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	***Triệu đồng***	**4,260,887**	**4,534,820**	**-6.0%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	"	637,367	976,979	-34.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	"	1,472,830	1,680,039	-12.3%
Phải thu ngắn hạn	"	836,928	808,599	3.5%
Hàng tồn kho	"	519,570	406,625	27.8%
Tài sản ngắn hạn khác	"	794,191	662,578	19.9%
Tài sản dài hạn	"	**3,956,838**	**3,993,338**	**-0.9%**
Các khoản phải thu dài hạn	"	21,095	16,652	26.7%
Tài sản cố định	"	3,456,646	3,255,469	6.2%
Tài sản dở dang dài hạn	"	17,227	214,180	-92.0%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	"	6,000	6,000	0.0%
Tài sản dài hạn khác	"	428,448	468,062	-8.5%
Lợi thế thương mại	"	27,422	32,974	-16.8%
Tổng tài sản	"	**8,217,725**	**8,528,158**	**-3.6%**

Nguồn vốn và công nợ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng nợ	***Triệu đồng***	**4,916,041**	**5,477,205**	**-10.2%**
Nợ ngắn hạn	"	4,763,337	4,978,235	-4.3%
Nợ dài hạn	"	152,703	498,970	-69.4%
Vốn Chủ sở hữu	"	**3,301,684**	**3,050,953**	**8.2%**
Vốn chủ sở hữu	"	3,267,112	3,050,953	7.1%
Tổng nguồn vốn	"	**8,217,725**	**8,528,158**	**-3.6%**

Tài sản ngắn hạn: Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính dài hạn giảm do Công ty tiến hành trả nợ vay ngân hàng. Phải thu ngắn tăng nhẹ. Hàng tồn kho tăng 27,8% do Công ty tăng dự trữ vật tư, hàng hóa phục vụ cho các kế hoạch đầu tư cũng như bán hàng.

Tài sản dài hạn: tuyến cáp biển APG đã đi vào khai thác vào đầu năm 2017 góp phần nâng cao năng lực băng thông quốc tế và tăng tài sản cố định.

Nợ phải trả: giảm 7,7% do Công ty tiến hành trả nợ vay ngân hàng.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	*Lần*	1.13	1.10
Khả năng thanh toán nhanh	*Lần*	0.99	1.00
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47.2%	53.5%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	*Lần*	1.18	1.49
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	*Lần*	8.62	9.43
Vòng quay tổng tài sản	*Lần*	0.93	0.78
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12.7%	14.7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	32.2%	36.1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12.1%	14.3%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16.2%	17.8%

Về cơ bản, các chỉ tiêu tài chính đều duy trì ở mức tốt và ổn định so với năm 2016.

Khả năng thanh toán: các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh vẫn duy trì ở mức tốt, an toàn và tương đương với năm 2016.

Cơ cấu vốn an toàn. Hệ số nợ/tổng tài sản xuống dưới 50%; hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ở mức 1,18.

Hiệu quả hoạt động: vòng quay khoản phải thu vẫn ở mức cao; vòng quay tổng tài sản gia tăng đáng kể, thể hiện rõ hiệu suất hoạt động vẫn ở mức rất cao.

Khả năng sinh lời: các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên tổng tài sản, khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu vẫn ở mức rất cao và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Làm chủ và chuyển đổi hạ tầng

Xác định hạ tầng là nền tảng của sự phát triển, FPT Telecom đã, đang và sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho cơ sở hạ tầng viễn thông bao gồm hệ thống mạng Core, hệ thống mạng Access, hệ thống tuyến trục Bắc Nam và liên tỉnh; triển khai dự án quang hóa hạ tầng trên toàn quốc, song song với việc đầu tư mở rộng vùng phủ.

Trong năm 2017, Công ty đã đưa hệ thống cáp quang biển APG vào hoạt động, nâng cao năng lực băng thông quốc tế. Cùng với đó, FPT tiếp tục đẩy mạnh việc quang hóa hạ tầng và chuyển đổi thuê bao cho khách hàng từ cáp đồng sang cáp quang tại các tỉnh thành phố lớn trên toàn quốc, tổng cộng có 26 tỉnh thành được thực hiện nâng cấp hạ tầng, trong đó có 14 tỉnh, thành tỉ lệ hạ tầng quang hóa đạt 100%. Ngoài ra, để đón đầu xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0, FPT Telecom đã nâng cấp hai Trung tâm dữ liệu (Datacenter) ở Hà Nội và TP HCM và sẽ đầu tư mạnh mẽ cho mảng trung tâm dữ liệu trong những năm tới với hàng loạt dự án mới tại cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Tiên phong trong công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ

Đồng hành với 20 năm hình thành và phát triển mạng Internet Việt Nam, FPT Telecom luôn nỗ lực tiên phong trong việc áp dụng các công nghệ tiên tiến, đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới.

Trong lĩnh vực Internet băng thông rộng:

- Ra mắt dịch vụ điện toán đám mây thế hệ mới mang tên FPT HI GIO Cloud, với quy mô và tính năng toàn diện đầu tiên tại Việt Nam dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, trên nền tảng công nghệ tiên tiến và quy chuẩn khắt khe nhất, độc quyền của Nhật Bản thông qua đối tác Internet Initiative Japan (IIJ).
- Ra mắt gói dịch vụ Internet có tốc độ cao 1Gbps đầu tiên tại Việt Nam – gấp 100 lần tốc độ truy nhập internet bình quân, tiên phong cung cấp cho khách hàng dịch vụ vượt trội cả về công nghệ và chất lượng.
- Đứng thứ 5 khu vực châu Á về kết quả triển khai IPv6 với hơn 1 triệu khách hàng được chuyển đổi sang IPv6, cao gấp 7 lần trung bình cả nước.

Trong lĩnh vực truyền hình trả tiền:

Với phương châm "xem là yêu", truyền hình FPT liên tục đa dạng hóa nội dung, gia tăng tiện tích cho người sử dụng. Năm 2017, FPT Telecom tiên phong xây dựng và phát triển các chương trình truyền hình tương tác thế hệ mới như: Bigschool - ứng dụng khảo thí độc lập đầu tiên trên truyền hình IPTV, Kịch tương tác – khán giả có thể lựa chọn diễn biến nội dung của tác phẩm.

Sản phẩm, dịch vụ mới:

Ra mắt dòng TV Box chính hãng đầu tiên tại Việt Nam hỗ trợ hiển thị nội dung UltraHD chất lượng 4K có tốc độ truyền tải dữ liệu lên đến 900Mbps. Bên cạnh đó, FPT Telecom cũng đầu tư đặc biệt vào kho nội dung 4K nhằm mong muốn mang đến người dùng một trải nghiệm hoàn toàn mới thông qua các công nghệ tiên tiến nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2017 kinh tế thế giới chuyển biến tích cực với sự phục hồi đà tăng trưởng khả quan từ các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu. Hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, việc gia tăng chủ nghĩa bảo hộ cùng với những điều chỉnh chính sách của Mỹ và một số nước lớn đã ảnh hưởng đáng kể tới cơ hội xuất khẩu của Việt Nam và một số nước trong khu vực, bên cạnh yếu tố bất lợi về thời tiết, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy trong nửa cuối năm 2017.

Tăng trưởng GPD năm 2017 của Việt Nam ước đạt 6,81%, đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt 21,3 tỷ USD tăng 42,3% so với năm 2016. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm trước.

Năm 2017 có thể coi là năm bản lề khi Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) bước sang tuổi 21 với định hướng mới: chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ sang nhà cung cấp trải nghiệm (experience provider). Thông điệp "More" được Ban lãnh đạo công ty phát động cho giai đoạn 2018-2020 thể hiện cho tinh thần "làm nhiều hơn" và "làm mới hơn" của toàn bộ doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty tiếp tục thể hiện sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Doanh thu năm 2017 của toàn Công ty đạt 7.651 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2016 và bằng 98,8% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 1.217 tỷ đồng, tăng trưởng 2,0% so với năm 2016 và hoàn thành 100,6% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 975 tỷ đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 5.180 đồng/cổ phần. Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2017 đạt 8.218 tỷ đồng, giảm 310 tỷ so với đầu năm do Công ty trả nợ vay ngân hàng. Vốn chủ sở hữu đạt 3.302 tỷ đồng.

Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt của năm 2016 là 1.000 đồng/cổ phần vào tháng 5/2017 và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt của năm 2017 là 3.000 đồng/cổ phần (đợt 1 vào tháng 10/2017 với tỷ lệ là 10%, đợt 2 chốt danh sách vào tháng 12/2017 và trả cổ tức vào tháng 03/2018 với tỷ lệ là 20%).
Công ty cũng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.371 tỷ đồng lên 1.508 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Về hạ tầng, FPT Telecom tiếp tục đẩy mạnh việc quang hóa hạ tầng và chuyển đổi thuê bao cho khách hàng từ cáp đồng sang cáp quang tại các tỉnh thành phố lớn trên toàn quốc. Tính đến cuối năm 2017, tổng cộng có 26 tỉnh thành được thực hiện nâng cấp hạ tầng, trong đó có 14 tỉnh, thành tỉ lệ hạ tầng quang hóa đạt 100%. Kết quả của việc nâng cấp hạ tầng giúp Công ty duy trì được sự phát triển thuê bao internet tốt, phù hợp với tốc độ tăng trưởng chung toàn thị trường.

Bên cạnh các dịch vụ viễn thông cốt lõi được xây dựng trên nền tảng hạ tầng vững chắc và không ngừng được củng cố, nâng cấp theo thời gian, FPT Telecom đang cho thấy là một đơn vị trẻ và năng động trong việc khai thác và cung cấp

ra thị trường những dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng Internet như Truyền hình IPTV hay OTT. Với phương châm "Mới lạ mỗi ngày", Truyền hình FPT liên tục đa dạng hóa nội dung, gia tăng tiện ích cho người sử dụng.

Năm 2017, FPT Telecom tiên phong xây dựng và phát triển các chương trình truyền hình tương tác thế hệ mới như: Bigschool - ứng dụng khảo thí độc lập đầu tiên trên truyền hình IPTV, Kịch tương tác – khán giả có thể lựa chọn diễn biến nội dung của tác phẩm. Trước đó là chương trình Mở két thu hút hàng trăm ngàn người chơi cùng lúc.

Bên cạnh đó, FPT cũng ra mắt sản phẩm FPT Play Box 2018 - dòng TV Box chính hãng đầu tiên tại Việt Nam hỗ trợ hiển thị nội dung UltraHD chất lượng cao 4K có tốc độ truyền tải dữ liệu lên đến 900 Mbps. Với sự đầu tư đặc biệt vào kho nội dung 4K nhằm mong muốn mang tới người dùng một trải nghiệm hoàn toàn mới thông qua các công nghệ tiên tiến nhất.

Về mặt tài chính, trong năm 2017, Công ty tận dụng tối ưu các nguồn vốn thông qua việc sử dụng vốn vay trung hạn với mức lãi suất ổn định và vốn vay ngắn hạn với mức lãi suất ưu đãi, đồng thời tối ưu dòng tiền đem lại các lợi ích tài chính cho Công ty.

Để duy trì được sự tăng trưởng ổn định và vượt bậc của Công ty trong những năm qua là nhờ sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong việc hoạch định chiến lược, định hướng, kế hoạch kinh doanh và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên FPT Telecom trong nỗ lực không ngừng gia tăng giá trị cho Cổ đông.



KẾ HOẠCH NĂM 2018

Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước

Đầu năm 2018, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới của năm 2018 và 2019, cho rằng kế hoạch cắt giảm thuế được kỳ vọng sẽ thúc đẩy đầu tư vào nền kinh tế số một thế giới này cũng như giúp các đối tác thương mại lớn của Mỹ. Theo đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt mức 3,9% trong năm 2018 và 2019, tăng 0,2% so với dự báo cập nhật hồi tháng 10-2017.

Theo dự báo triển vọng kinh tế năm 2018 của Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia (NFSC), với những nền tảng tích cực của năm 2017, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 có thể đạt 6,5% – 6,8%. Ở trong nước, tổng cung của nền kinh tế được dự báo sẽ cải thiện nhờ hưởng lợi từ các chính sách cải thiện bên cung theo tinh thần Nghị quyết 19, Nghị quyết 35 của Chính phủ. Cụ thể, khu vực công nghiệp và xây dựng sẽ được hưởng lợi từ các chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao. Công nghiệp chế biến dự báo tiếp tục tăng trưởng khá nhờ sự mở rộng đầu tư của khu vực doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khu vực dịch vụ cũng tiếp tục có khả năng tăng trưởng mạnh như trong hai năm vừa qua nhờ tăng trưởng bán buôn bán lẻ và lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng nhanh. Khu vực tư nhân sẽ vẫn là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2018.

Kế hoạch năm 2018

Năm 2018 Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 8.670 tỷ đồng, tăng trưởng 13,3% so với năm 2017 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông tăng trưởng 13,6% và doanh thu từ dịch vụ quảng cáo tăng trưởng 9,7%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của công ty là 1.394 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6% so với năm 2017.

Công ty tiếp tục quang hóa hạ tầng và dự kiến sẽ hoàn thành việc chuyển đổi thuê bao từ cáp đồng sang cáp quang trên toàn quốc trong 2 năm 2018-2019. Công ty sẽ triển khai dự án xây dựng trung tâm dữ liệu (Datacenter) tại các địa điểm Tân Thuận 1, Quận 9 và tại Đà Nẵng; góp vốn đầu tư vào dự án cáp biển AAE-1. Đồng thời, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thuê bao và đưa các sản phẩm dịch vụ mới ra thị trường (FPT Play Box, FPT Hi GIO Cloud, ...) và duy trì vị thế của các trang web VNExpress, Ngôi sao để khai thác kinh doanh quảng cáo.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ
01	Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch	25-03-2008	3	100%
02	Ông Nguyễn Hồng Hiển	Thành viên	21-05-2015	3	100%
03	Ông Lê Huy Chí	Thành viên	27-03-2009	3	100%
04	Ông Trương Gia Bình	Thành viên	28-07-2005	3	100%
05	Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên	27-03-2009	3	100%
06	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30-03-2012	3	100%

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau đây:

- ✓ Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- ✓ Phê duyệt chương trình nâng cấp hạ tầng quang hoá tại các tỉnh, thành phố.
- ✓ Phê duyệt dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu (Datacenter) tại Tân Thuận 1 – Tp. HCM; tại Quận 9 - Tp. HCM; và tại FPT City – Tp. Đà Nẵng.
- ✓ Phê duyệt dự án đầu tư cáp quang biển AAE-1.
- ✓ Phê duyệt việc tạm ứng cổ tức năm 2017.
- ✓ Phê duyệt việc giải thể, tổ chức lại hoạt động tại các công ty thành viên.
- ✓ Phê duyệt phương án thay đổi nhân sự của chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2017/NQ-HĐQT/FTEL	11-04-17	• Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2016 • Phê duyệt kế hoạch Kinh doanh 2017 • Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
2	02-2017/NQ-HĐQT/FTEL	05-03-17	• Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016
3	03-2017/NQ-HĐQT/FTEL	02-08-17	• Phê duyệt Kết quả kinh doanh Quý I,II.2017 • Phê duyệt kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017 • Phương án tạm ứng cổ tức đợt 1/2017
4	04-2017/NQ-HĐQT/FTEL	25-09-17	• Giải thể Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FPTSS)
5	04B-2017/NQ-HĐQT/FTEL	12-12-17	• Thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017
6	05-2017/NQ-HĐQT/FTEL	12-12-17	• Phê duyệt kết quả kinh doanh Quý III.2017 • Phê duyệt Dự án AAE-1. • Phê duyệt các dự án đầu tư DC tại Tân Thuận 1, Quận 9, TP. HCM, và tại Đà Nẵng.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ và việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ công ty.
- ✓ Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc thành lập, tổ chức lại các chi nhánh công ty.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về phương án thay đổi nhân sự của chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✓ Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Viễn thông FPT về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện.
- ✓ Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị.
- ✓ Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.
- ✓ Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng tiến hành các cuộc họp giữa các thành viên để trao đổi về các nội dung cần tiến hành kiểm soát, các vấn đề cần kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

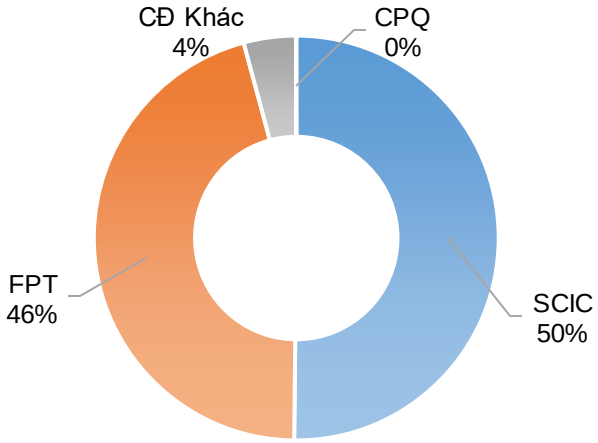


QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

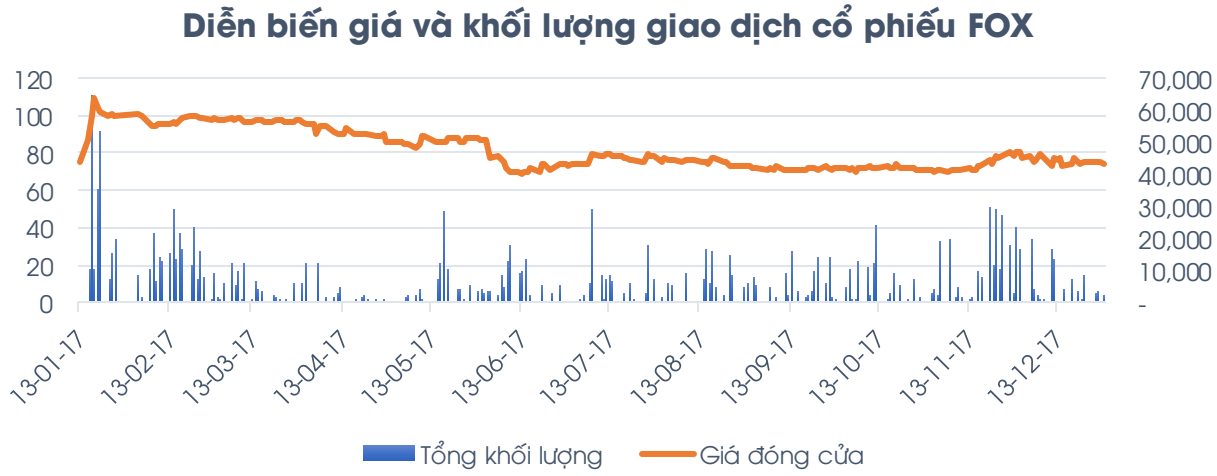
Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 1.507.832.590.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 150.783.259 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu thường: 150,783,259 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 150.753.244 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 30.015 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

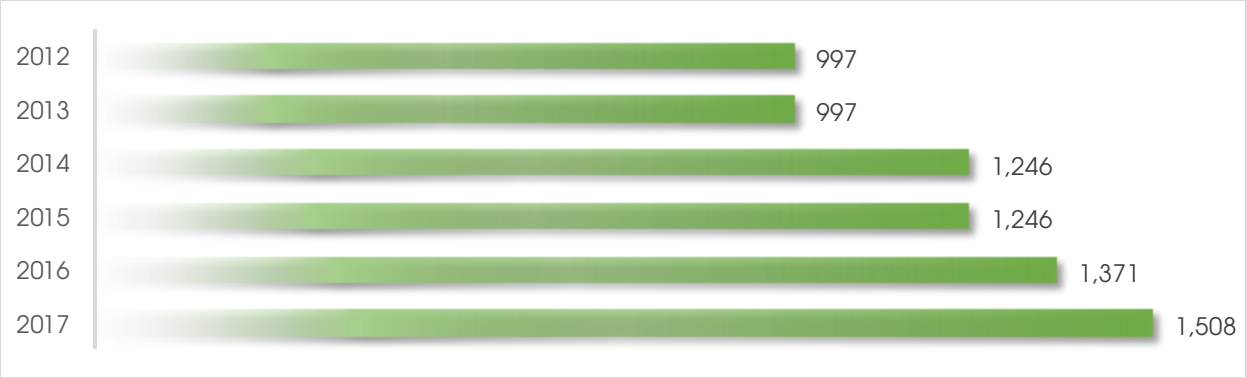


Biến động giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch



Lưu ý: *Ngày 15/6/2017, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 để tăng vốn điều lệ từ 1.371 tỷ đồng lên 1.508 tỷ đồng.*

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

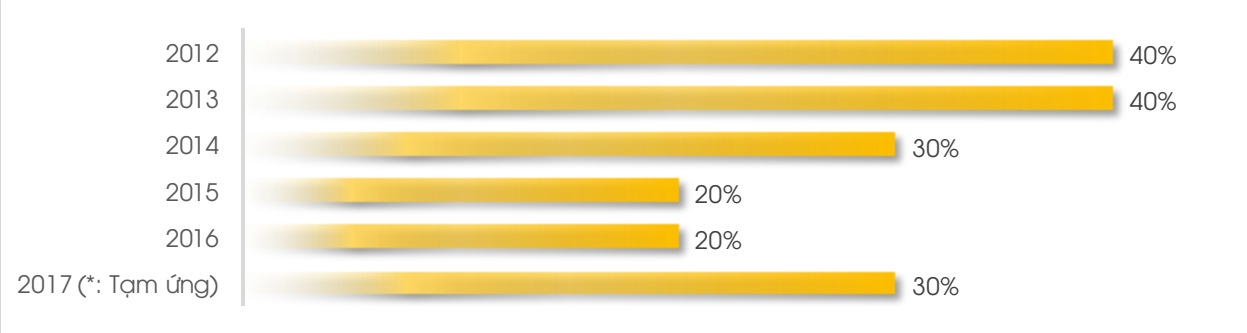


Giao dịch cổ phiếu quỹ

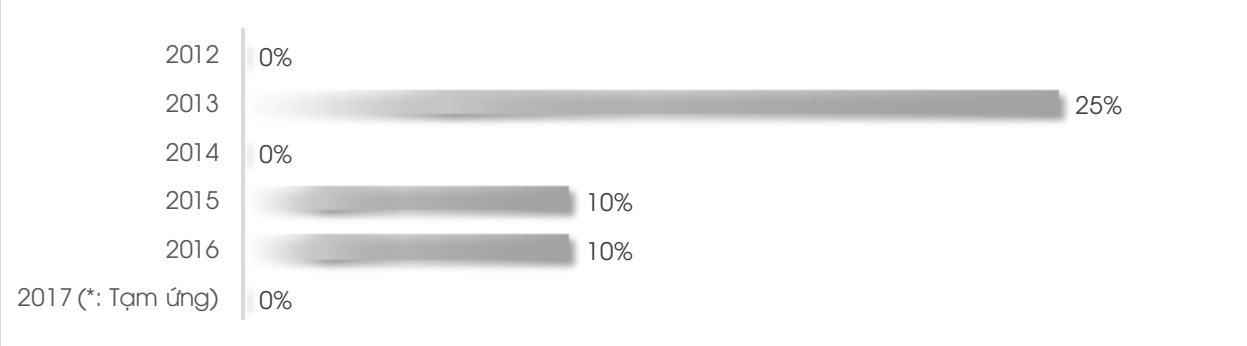
Trong năm 2017, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Lịch sử trả cổ tức

Cổ tức bằng tiền mặt:



Cổ tức bằng cổ phiếu:



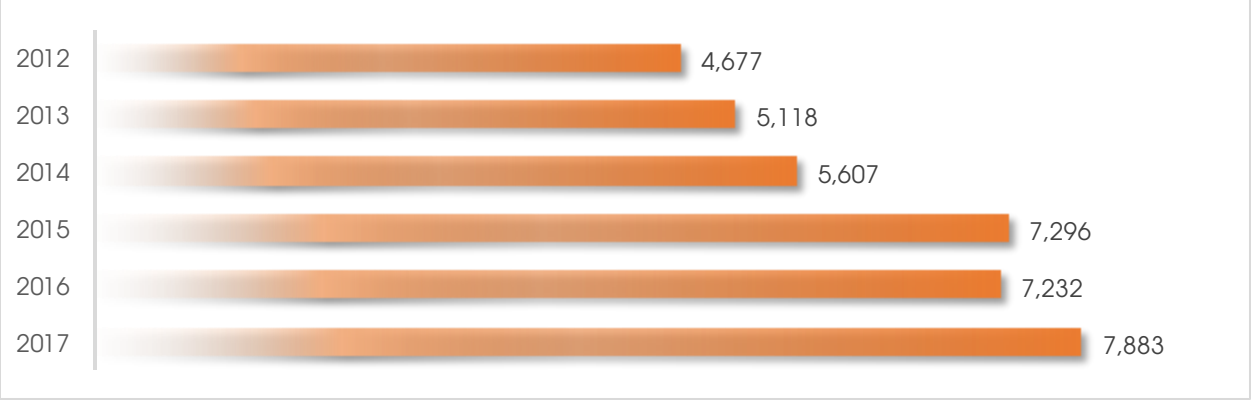
Lưu ý: ** Tỷ lệ cổ tức được tính theo tỷ lệ chia cổ tức được ĐHĐCĐ phê duyệt cho kết quả kinh doanh năm đó, không phải số cổ tức thực chi trả trong năm.*

** Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt năm 2017 là tỷ lệ tạm ứng cổ tức lần 1 và lần 2 trong năm 2017. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 sẽ được thông qua trong cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông.*

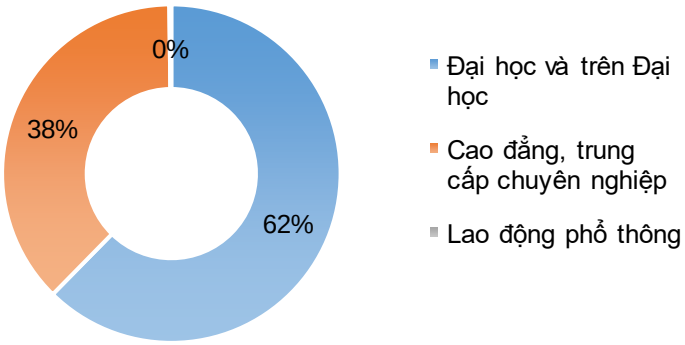
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Số lượng nhân sự

Đơn vị: Người

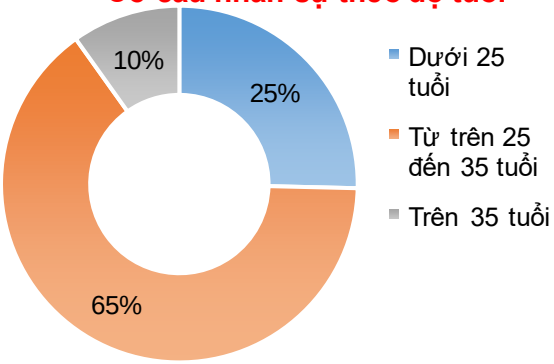


Cơ cấu nhân sự theo trình độ



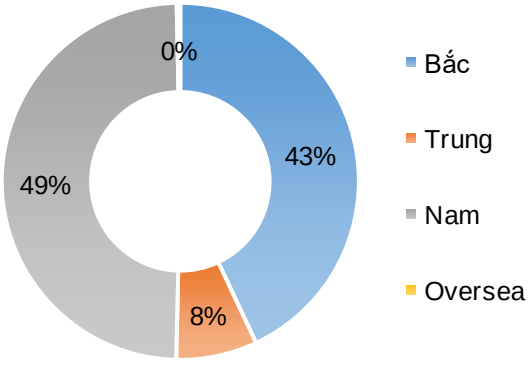
Với phần lớn nhân sự thuộc trình độ đại học và trên Đại học, FPT Telecom có một nguồn lực vững mạnh, đông đảo, thiện chiến, sẵn sàng đương đầu với sự khốc liệt trên thị trường.

Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Với độ tuổi phổ biến đều dưới 35 tuổi, con người FPT Telecom luôn tràn trề sức trẻ, tràn đầy nhiệt huyết, luôn luôn năng động, sáng tạo.

Cơ cấu nhân sự theo khu vực địa lý



Với cơ cấu nhân sự trải khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam; người FPT Telecom luôn luôn sẵn sàng phục vụ khách hàng mọi lúc, mọi nơi; mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ và sự chăm sóc tận tình nhất.

Văn hóa doanh nghiệp



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch	
Ông Trương Gia Bình	Thành viên	
Ông Lê Huy Chí	Thành viên	
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Hiển	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax: +84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 583 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1961-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**4.260.886.629.966**	**4.534.820.123.793**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**637.367.035.990**	**976.978.985.482**
1. Tiền	111		172.972.917.618	195.542.517.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		464.394.118.372	781.436.467.801
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**1.472.830.197.781**	**1.680.039.336.332**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.472.830.197.781	1.680.039.336.332
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**836.927.904.216**	**808.599.128.890**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		879.818.545.580	776.734.179.297
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.422.108.098	42.405.677.207
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	41.759.305.126	60.399.903.955
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(116.072.054.588)	(70.940.631.569)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**519.570.275.133**	**406.625.156.086**
1. Hàng tồn kho	141		519.570.275.133	406.625.156.086
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**794.191.216.846**	**662.577.517.003**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	665.400.613.369	524.851.987.672
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.881.888.202	21.610.034.722
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	106.908.715.275	116.115.494.609
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.956.837.942.865**	**3.993.337.702.416**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**21.094.817.447**	**16.652.431.902**
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	23.451.508.628	17.980.777.493
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.356.691.181)	(1.328.345.591)
II. Tài sản cố định	**220**		**3.456.646.267.012**	**3.255.469.129.846**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.102.593.628.520	3.099.833.313.088
- Nguyên giá	*222*		*5.996.602.874.983*	*6.219.991.980.040*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(2.894.009.246.463)*	*(3.120.158.666.952)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	354.052.638.492	155.635.816.758
- Nguyên giá	*228*		*511.395.040.078*	*274.766.553.794*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(157.342.401.586)*	*(119.130.737.036)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**17.226.616.945**	**214.179.694.896**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	17.226.616.945	214.179.694.896
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6.000.000.000**	**6.000.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.684.980.000	9.684.980.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**428.448.183.084**	**468.062.092.599**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	403.136.208.392	414.733.143.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		25.311.974.692	53.328.948.687
VI. Lợi thế thương mại	**269**		**27.422.058.377**	**32.974.353.173**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**8.217.724.572.831**	**8.528.157.826.209**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.916.040.515.685**	**5.477.205.290.122**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**4.763.337.193.796**	**4.978.235.226.602**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.112.335.217.222	766.687.189.254
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		120.328.359.181	102.123.802.953
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	65.204.377.077	230.472.420.842
4. Phải trả người lao động	314		4.586.592.282	4.488.486.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	753.371.389.908	441.048.229.060
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	987.989.471.286	868.489.337.153
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	441.650.374.419	318.028.402.729
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.103.126.785.160	2.094.181.289.625
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		756.720.000	756.720.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	173.987.907.261	151.959.348.565
II. Nợ dài hạn	**330**		**152.703.321.889**	**498.970.063.520**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14	47.704.546.429	49.849.867.850
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	104.998.775.460	449.120.195.670
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.301.684.057.146**	**3.050.952.536.087**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**3.301.684.057.146**	**3.050.952.536.087**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.507.832.590.000	1.370.786.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.507.832.590.000*	*1.370.786.090.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.652.995.729	7.652.995.729
3. Cổ phiếu quỹ	415		(300.150.000)	(300.150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		246.879.179.072	131.972.384.482
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		34.572.210.000	34.572.210.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.239.853.363.572	1.304.564.248.554
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.026.073.226.832*	*789.457.692.081*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*213.780.136.740*	*515.106.556.473*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		265.193.868.773	201.704.757.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.217.724.572.831**	**8.528.157.826.209**

Nguyễn Thị Thu Hương	Đỗ Thị Hương	Vũ Thị Mai Hương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**7.677.901.203.174**	**6.693.694.162.232**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	26.541.460.346	27.226.010.566
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**7.651.359.742.828**	**6.666.468.151.666**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.937.312.195.310	3.555.106.661.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**3.714.047.547.518**	**3.111.361.489.682**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	149.685.869.073	162.661.202.245
7. Chi phí tài chính	22	27	121.507.804.809	154.892.015.179
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*118.843.999.299*	*150.789.690.933*
8. Chi phí bán hàng	25		683.624.741.456	593.914.795.407
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.819.952.701.885	1.335.790.764.247
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**1.238.648.168.441**	**1.189.425.117.094**
11. Thu nhập khác	31		17.560.716.363	7.609.927.914
12. Chi phí khác	32		39.287.160.986	4.278.912.737
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(21.726.444.623)**	**3.331.015.177**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**1.216.921.723.818**	**1.192.756.132.271**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	218.099.076.381	199.184.382.133
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	24.198.382.124	16.709.057.193
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**974.624.265.313**	**976.862.692.945**
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	*61*		*872.344.968.203*	*884.375.988.420*
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	*62*		*102.279.297.110*	*92.486.704.525*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**5.180**	**5.205**

Nguyễn Thị Thu Hương	**Đỗ Thị Hương**	**Vũ Thị Mai Hương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.216.921.723.818***	***1.192.756.132.271***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	820.216.731.614	748.266.953.204
Các khoản dự phòng	03	46.159.768.609	41.537.807.652
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.265.502.195)	(542.027.858)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(146.158.399.497)	(154.938.413.902)
Chi phí lãi vay	06	118.843.999.299	150.789.690.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***2.053.718.321.648***	***1.977.870.142.300***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(68.732.620.165)	129.981.772.672
Thay đổi hàng tồn kho	10	30.259.445.875	100.138.675.734
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	398.475.819.436	(437.132.810.607)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(129.223.543.657)	147.190.457.915
Tiền lãi vay đã trả	14	(146.421.567.416)	(128.163.032.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(382.768.241.758)	(198.524.842.841)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	367.273.809	2.296.874.447
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.395.927.722)	(769.141.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***1.751.278.960.050***	***1.592.888.095.113***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(654.783.551.825)	(1.002.565.371.908)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	318.181.819	219.642.144
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(614.420.696.061)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	207.209.138.551	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	11.289.755.636
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	144.481.413.888	111.497.321.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(302.774.817.567)***	***(1.493.979.348.754)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.640.034.151.642	2.971.812.214.509
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.975.210.076.317)	(2.533.833.444.776)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(452.940.167.300)	(294.992.676.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(1.788.116.091.975)***	***142.986.092.833***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(339.611.949.492)**	**241.894.839.192**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**976.978.985.482**	**735.084.146.290**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**637.367.035.990**	**976.978.985.482**

Nguyễn Thị Thu Hương	**Đỗ Thị Hương**	**Vũ Thị Mai Hương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 07 tháng 08 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 21 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 07 năm 2005. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã chứng khoán là FOX.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.883 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7.232 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tiếp và các dịch vụ trực tuyến khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết số 04-2017/NQ-HĐQT/FTEL ngày 25 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đồng ý thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FSS). Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ trước ngày giải thể là 100%.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7. Thành phố Hồ Chí Minh	59,12%	Cung cấp dịch vụ game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7. Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân thuận Đông, quận 7. Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Lô T2-5, Đường D1, khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại tại Thuyết minh số 33 hoặc phân loại lại tại Thuyết minh số 34.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)	Năm trước (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25	25
Máy móc và thiết bị	3 - 15	3 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải	6	6
Tài sản cố định khác	3 - 5	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, Giấy phép và quyền khai thác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (AAG) và dự án Asia Pacific Gateway (APG)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước và tiền thuê văn phòng tại khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm được trích lập với số tiền không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	7.004.876.371	3.983.319.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	165.966.899.847	191.559.198.078
Tiền đang chuyển	1.141.400	-
Các khoản tương đương tiền	464.394.118.372	781.436.467.801
	637.367.035.990	**976.978.985.482**

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần FPT và các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**1.472.830.197.781**	**1.472.830.197.781**	**1.680.039.336.332**	**1.680.039.336.332**
- Tiền gửi có kỳ hạn	*1.470.830.197.781*	*1.470.830.197.781*	*1.678.039.336.332*	*1.678.039.336.332*
- Các khoản đầu tư khác	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**9.684.980.000**	**(3.684.980.000)**	**9.684.980.000**	**(3.684.980.000)**
Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	*3.684.980.000*	*(3.684.980.000)*	*3.684.980.000*	*(3.684.980.000)*
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	*6.000.000.000*	-	*6.000.000.000*	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa được niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu	32.717.303.617	31.358.499.827
Các khoản khác	9.042.001.509	29.041.404.128
	41.759.305.126	**60.399.903.955**

7. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi	**171.039.665.072**	**54.967.610.484**	**121.641.902.015**	**50.701.270.446**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	171.039.665.072	54.967.610.484	121.641.902.015	50.701.270.446

Các khoản phải thu quá hạn thể hiện các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông và không có khoản nợ phải thu nào chiếm từ 10% tổng số nợ quá hạn trở lên. Các khoản này đã được trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Trong năm 2016, Công ty đã xử lý khoản nợ phải thu về dịch vụ viễn thông đối với các khách hàng lẻ quá hạn mà Công ty đánh giá không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các năm trước với tổng số tiền là 171.935.562.838 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	76.465.642.943	-	62.059.799.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	165.078.959.789	-	-	
Công cụ, dụng cụ	70.977.014.211	-	35.793.633.737	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	617.347.625	-	-	-
Hàng hoá	206.431.310.565	-	308.771.723.149	-
Cộng	**519.570.275.133**	**-**	**406.625.156.086**	**-**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí triển khai quang hóa	226.447.915.476	192.453.308.435
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	438.952.697.893	332.398.679.237
	665.400.613.369	**524.851.987.672**
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt truyền hình trả tiền	259.299.100.263	267.928.451.861
Chi phí trả trước dài hạn khác	143.837.108.129	146.804.692.051
	403.136.208.392	**414.733.143.912**

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm (Trình bày lại)	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/nộp	Số đã thu/nộp hoặc bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	5.378.431.350	793.209.770	5.378.431.350	793.209.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.331.387.867	-	4.315.740.909	106.015.646.958
Các loại thuế khác	405.675.392	178.512.069	484.328.914	99.858.547
Cộng	**116.115.494.609**	**971.721.839**	**10.178.501.173**	**106.908.715.275**
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	23.421.117.205	458.884.529.754	461.758.520.334	20.547.126.625
- Thuế GTGT đầu ra	*23.421.117.205*	*351.119.539.994*	*353.993.530.574*	*20.547.126.625*
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	*107.764.989.760*	*107.764.989.760*	-
Thuế nhập khẩu	-	8.124.582.604	8.124.582.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.647.346.158	218.099.076.381	382.768.241.758	39.978.180.781
Các loại thuế khác	2.403.957.479	48.373.689.314	46.098.577.122	4.679.069.671
- Thuế môn bài	-	*173.000.000*	*173.000.000*	-
- Thuế thu nhập cá nhân	*2.061.056.998*	*39.275.670.468*	*37.200.514.085*	*4.136.213.381*
- Thuế khác	*342.900.481*	*8.925.018.846*	*8.725.063.037*	*542.856.290*
Các khoản phải nộp khác	-	685.569	685.569	-
Cộng	**230.472.420.842**	**733.482.563.622**	**898.750.607.387**	**65.204.377.077**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**154.321.645.565**	**5.516.728.400.941**	**48.119.933.222**	**474.986.266.689**	**25.835.733.623**	**6.219.991.980.040**
Tăng trong năm	**(7.298.527.397)**	**1.102.719.074.079**	**(29.052.077.933)**	**(117.164.664.446)**	**(25.835.733.623)**	**923.368.070.680**
Tăng do mua sắm	-	855.367.270.785	2.106.209.091	62.066.615.439	-	919.540.095.315
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.945.094.057	-	-	-	2.945.094.057
Phân loại lại	(7.298.527.397)	244.406.709.237	(31.158.287.024)	(180.114.161.193)	(25.835.733.623)	-
Điều chỉnh khác	-		-	882.881.308	-	882.881.308
Giảm trong năm	**-**	**1.130.905.828.046**	**1.891.596.955**	**13.959.750.736**	**-**	**1.146.757.175.737**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.891.596.955	-	-	1.891.596.955
Thu hồi nhập kho	-	239.425.321.330	-	13.959.750.736	-	253.385.072.066
Giảm do chuyển đổi hạ tầng	-	891.480.506.716	-	-	-	891.480.506.716
Số dư cuối năm	**147.023.118.168**	**5.488.541.646.974**	**17.176.258.334**	**343.861.851.507**	**-**	**5.996.602.874.983**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**35.789.369.664**	**2.646.537.007.788**	**21.295.675.015**	**405.451.318.456**	**11.085.296.029**	**3.120.158.666.952**
Tăng trong năm	**3.670.508.588**	**914.469.970.382**	**(6.579.238.244)**	**(123.701.473.575)**	**(11.085.296.029)**	**776.774.471.122**
Khấu hao trong năm	6.590.930.664	747.006.318.012	1.144.194.918	21.753.795.985	-	776.495.239.579
Phân loại lại	(2.920.422.076)	167.463.652.370	(7.723.433.162)	(145.734.501.103)	(11.085.296.029)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	279.231.543	-	279.231.543
Giảm trong năm	**-**	**988.685.892.587**	**1.891.596.955**	**12.346.402.069**	**-**	**1.002.923.891.611**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.891.596.955	-	-	1.891.596.955
Thu hồi nhập kho	-	132.655.216.581	-	12.346.402.069	-	145.001.618.650
Giảm do chuyển đổi hạ tầng	-	856.030.676.006	-	-	-	856.030.676.006
Số dư cuối năm	**39.459.878.252**	**2.572.321.085.583**	**12.824.839.816**	**269.403.442.812**	**-**	**2.894.009.246.463**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**118.532.275.901**	**2.870.191.393.153**	**26.824.258.207**	**69.534.948.233**	**14.750.437.594**	**3.099.833.313.088**
Tại ngày cuối năm	**107.563.239.916**	**2.916.220.561.391**	**4.351.418.518**	**74.458.408.695**	**-**	**3.102.593.628.520**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.007.223 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 924.506 triệu VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép và quyền khai thác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**12.708.112.000**	**232.850.677.345**	**29.207.764.449**	**274.766.553.794**
Tăng trong năm	**1.005.470.000**	**224.078.762.191**	**11.754.383.607**	**236.838.615.798**
Tăng do mua trong năm	1.005.470.000	17.508.561.555	11.476.717.343	29.990.748.898
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	206.570.200.636	-	206.570.200.636
Tăng khác	-	-	277.666.264	277.666.264
Giảm trong năm	**-**	**-**	**210.129.514**	**210.129.514**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	111.954.110	111.954.110
Giảm khác	-	-	98.175.404	98.175.404
Số dư cuối năm	**13.713.582.000**	**456.929.439.536**	**40.752.018.542**	**511.395.040.078**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**-**	**96.385.454.828**	**22.745.282.208**	**119.130.737.036**
Tăng trong năm	**-**	**34.438.995.647**	**4.007.867.856**	**38.446.863.503**
Khấu hao trong năm	-	34.438.995.647	3.730.201.592	38.169.197.239
Tăng khác	-	-	277.666.264	277.666.264
Giảm trong năm	**-**	**-**	**235.198.953**	**235.198.953**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	111.954.110	111.954.110
Giảm khác	-	-	123.244.843	123.244.843
Số dư cuối năm	**-**	**130.824.450.475**	**26.517.951.111**	**157.342.401.586**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**12.708.112.000**	**136.465.222.517**	**6.462.482.241**	**155.635.816.758**
Tại ngày cuối năm	**13.713.582.000**	**326.104.989.061**	**14.234.067.431**	**354.052.638.492**

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án cáp biển APG	-	200.345.640.232
Khác	17.226.616.945	13.834.054.664
	17.226.616.945	**214.179.694.896**

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	986.216.667.269	866.098.041.817
Các khoản khác	1.772.804.017	2.391.295.336
	987.989.471.286	**868.489.337.153**
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	7.373.253.511	7.745.770.847
Các khoản khác	40.331.292.918	42.104.097.003
	47.704.546.429	**49.849.867.850**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lương cán bộ nhân viên	433.498.803.379	289.137.099.093
Chi phí lãi vay	31.146.952.493	58.724.520.610
Các khoản khác	288.725.634.036	93.186.609.357
	753.371.389.908	**441.048.229.060**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	10.283.229.075	8.657.014.110
Bảo hiểm xã hội	196.582.841	296.308.714
Bảo hiểm y tế	34.282.346	16.705.921
Bảo hiểm thất nghiệp	14.970.666	10.181.735
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	302.162.333.833	137.231.990.133
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	118.765.463.783	136.238.784.439
Các khoản khác	10.193.511.875	35.577.417.677
	441.650.374.419	**318.028.402.729**

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.888.658.352.866	1.888.658.352.866	1.640.034.151.642	2.495.564.902.990	1.033.127.601.518	1.033.127.601.518
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	205.522.936.759	205.522.936.759	344.121.420.210	479.645.173.327	69.999.183.642	69.999.183.642
Cộng	**2.094.181.289.625**	**2.094.181.289.625**	**1.984.155.571.852**	**2.975.210.076.317**	**1.103.126.785.160**	**1.103.126.785.160**

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	654.643.132.429	654.643.132.429		479.645.173.327	174.997.959.102	174.997.959.102
Cộng	**654.643.132.429**	**654.643.132.429**	**-**	**479.645.173.327**	**174.997.959.102**	**174.997.959.102**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.999.183.642	205.522.936.759
Trong năm thứ hai	69.999.183.642	207.090.273.318
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	34.999.591.818	242.029.922.352
	174.997.959.102	**654.643.132.429**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	69.999.183.642	205.522.936.759
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	**104.998.775.460**	**449.120.195.670**

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2016, Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 99.651.672.838 VND theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Tổng Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2016 đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty và công ty con phê duyệt trong năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền 91.398.304.873 VND.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu (Trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Tổng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm ngoái	**1.246.198.090.000**	**7.652.995.729**	**(300.150.000)**	**-**	**34.572.210.000**	**1.163.397.641.027**	**2.451.520.786.756**	**187.335.847.504**	**2.638.856.634.260**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	884.375.988.420	884.375.988.420	92.486.704.525	976.862.692.945
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	131.972.384.482	-	(131.972.384.482)	-	(8.068.367.764)	(8.068.367.764)
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(99.651.672.838)	(99.651.672.838)	-	(99.651.672.838)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	124.588.000.000	-	-	-	-	(124.588.000.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(386.228.182.000)	(386.228.182.000)	(45.699.496.000)	(431.927.678.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(769.141.573)	(769.141.573)	(24.349.930.943)	(25.119.072.516)
Số dư đầu năm nay	**1.370.786.090.000**	**7.652.995.729**	**(300.150.000)**	**131.972.384.482**	**34.572.210.000**	**1.304.564.248.554**	**2.849.247.778.765**	**201.704.757.322**	**3.050.952.536.087**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	872.344.968.203	872.344.968.203	102.279.297.110	974.624.265.313
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	114.906.794.590	-	(114.906.794.590)	-	-	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(91.398.304.873)	(91.398.304.873)	(10.228.000.659)	(101.626.305.532)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	137.046.500.000	-	-	-	-	(137.046.500.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(589.308.326.000)	(589.308.326.000)	(28.562.185.000)	(617.870.511.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.395.927.722)	(4.395.927.722)	-	(4.395.927.722)
Số dư cuối năm nay	**1.507.832.590.000**	**7.652.995.729**	**(300.150.000)**	**246.879.179.072**	**34.572.210.000**	**1.239.853.363.572**	**3.036.490.188.373**	**265.193.868.773**	**3.301.684.057.146**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	150.783.259	137.078.609
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.015	30.015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	150.753.244	137.048.594

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.507.832.590.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày			
			Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	75.639.129	50,16	75.639.129	50,16	68.762.845	50,16
2. Công ty Cổ phần FPT	68.828.035	45,65	68.828.035	45,65	62.570.941	45,65
3. Các cổ đông khác	6.316.095	4,19	6.286.080	4,17	5.714.808	4,17
	150.783.259	**100**	**150.753.244**	**99,98**	**137.048.594**	**99,98**
Cổ phiếu quỹ			30.015	0,02	30.015	0,02
	150.783.259	**100**	**150.783.259**	**100**	**137.078.609**	**100**

Cổ tức

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2017 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 274.097.188.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.000 VND/cổ phiếu), chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận chưa chưa phân phối còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày 09 tháng 10 năm 2017, Công ty tạm ứng cổ tức đợt một năm 2017 với số tiền là 150.753.244.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 1.000 VND/cổ phiếu). Tại ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty tạm ứng cổ tức đợt hai năm 2017 với số tiền là 301.506.488.000 VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.000 VND/cổ phiếu), việc chi trả cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện trong quý 1 năm 2018.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.163.280	2.495.286
Nợ khó đòi đã xử lý (*)		
VND	171.474.706.942	171.935.562.838

(*) Phản ánh giá trị khoản phải thu khó đòi đã xử lý trong năm 2016 như đề cập tại Thuyết minh số 7 ở mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác (trong nước và quốc tế). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

23. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	432.630.263.008	254.182.168.662
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.245.270.940.166	6.439.511.993.570
	7.677.901.203.174	**6.693.694.162.232**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	(26.541.460.346)	(27.226.010.566)
	(26.541.460.346)	**(27.226.010.566)**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	408.748.682.611	243.282.576.450
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.528.563.512.699	3.311.824.085.534
	3.937.312.195.310	**3.555.106.661.984**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	408.748.682.611	254.182.168.662
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	778.242.306.064	675.438.817.851
Chi phí nhân công	1.378.009.822.465	1.199.092.399.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	1.101.067.830.936	979.263.494.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.104.689.854	1.870.672.749.744
Chi phí khác bằng tiền	1.311.716.306.721	506.162.591.344
	6.440.889.638.651	**5.484.812.221.638**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	145.840.217.678	126.378.290.132
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.845.651.395	5.820.043.169
Lãi từ bán, thoái vốn khoản đầu tư tài chính	-	9.934.735.636
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	20.528.133.308
	149.685.869.073	**162.661.202.245**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	118.843.999.299	150.789.690.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.663.805.510	4.102.324.246
	121.507.804.809	**154.892.015.179**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	**1.216.921.723.818**	**1.192.756.132.271**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Thu nhập không chịu thuế	(4.386.843.934)	(4.529.597.290)
- Doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	(128.002.148.207)	(350.285.171.290)
- Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	(13.237.317.465)	-
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	48.470.706.869	142.803.047.430
- Chuyển lỗ	(38.260.469.296)	-
Cộng		
- Chi phí không được khấu trừ	5.132.148.229	3.965.491.781
Thu nhập chịu thuế	**1.086.637.800.014**	**984.709.902.902**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**217.327.560.003**	**267.866.575.548**
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ	-	(68.682.193.415)
Thuế thu nhập FOC nộp thêm kỳ trước	771.516.378	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**218.099.076.381**	**199.184.382.133**
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	**24.198.382.124**	**16.709.057.193**

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm hiện tại.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	**872.344.968.203**	**918.091.637.496**
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(91.398.304.873)	(99.651.672.838)
- Tăng/(Giảm) khác	-	(33.715.649.076)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**780.946.663.330**	**784.724.315.582**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	**150.753.244**	**150.753.244**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**5.180**	**5.205**

Điều chỉnh lại lợi nhuận kế toán sau thuế

Năm 2017, Công ty tính lại và ghi tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Dự án Tân Thuận các năm từ 2009 - 2016 với số tiền là 150.824.140.294 VND. Số thuế năm 2016 phải nộp thêm dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2016 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016		**5.972**
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	(33.715.649.076)	
Số cổ phiếu bình quân gia quyền	137.078.609	
Ảnh hưởng của khoản thuế nộp bổ sung năm 2016		(246)
Số đã điều chỉnh ảnh hưởng của khoản thuế thu nhập doanh nghiệp 2016 nộp bổ sung		**5.726**

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2016 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã điều chỉnh ảnh hưởng của khoản thuế nộp bổ sung năm 2016	**137.048.594**	**5.726**
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành trong năm 2016	13.704.650	(521)
Số đã điều chỉnh	**150.753.244**	**5.205**

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua Hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Công ty Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Công ty cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Công ty Viettel Telecom. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, số vốn góp thực tế của Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này 9.349.495 USD tương đương 219.419.336.969 VND.

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	101.776.092.602	93.388.879.719

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	101.714.544.646	60.001.924.214
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	271.899.470.380	113.712.219.750
Sau năm năm	45.639.015.252	2.773.800.000
	419.253.030.278	**176.487.943.964**

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT - Công ty mẹ	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần FPT		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	62.570.940.000	56.882.670.000
Chia cổ tức bằng tiền	269.055.046.000	113.765.348.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	24.651.475.200	14.540.140.046
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	45.684.358.272	43.053.551.756
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.252.687.927	3.357.533.746
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	157.765.671.173	1.198.563.294
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	50.214.198.615	46.934.989.282
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	717.620.456	48.867.279
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.339.076.307	6.377.167.745
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	52.697.170.934	97.836.079.866
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	-	125.730.531.768
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	24.062.187.435	17.149.506.671
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	3.582.127.380	2.374.773.264
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	-	1.418.699.646

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản tương đương tiền		
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	4.653.862.834	7.679.609.287
Công nợ phải thu		
Công ty Cổ phần FPT - Hàng hóa dịch vụ	3.811.771.736	-
Công ty Cổ phần FPT - Phải thu khác	4.653.862.834	128.639.307
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	13.040.785.940	770.237.239
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	1.234.733.920	1.832.604.753
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	193.161.228	273.255.255
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	644.258.397	1.436.703.374
Công nợ phải trả		
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	17.057.495.371	13.926.676.496
Công ty Cổ phần FPT- cổ tức	137.656.070.000	62.570.941.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	113.159.406	66.693.678.700
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	-	1.754.830
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	360.111.972	520.914.079
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)	-	14.052.672.921
Công ty Cổ phần Synnex FPT (FTG)	23.818.574.679	78.232.770

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 470.604.574.441 VND (2016: 163.295.065.311 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Năm 2017, Công ty tính lại và ghi tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Dự án Tân Thuận các năm từ 2009 - 2016 với số tiền là 150.824.140.294 VND. Căn cứ vào Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu theo quyết toán thuế vào các báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước năm 2016, dẫn đến thay đổi số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do việc áp dụng hồi tố này, số liệu của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Số năm trước (trình bày lại sau phần số liệu so sánh) VND	Số năm trước (trình bày lại sau điều chỉnh hồi tố) VND	Điều chỉnh hồi tố VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
C. NỢ PHẢI TRẢ			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	79.648.280.548	230.472.420.842	150.824.140.294
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*906.566.183.299*	*789.457.692.081*	*117.108.491.218*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*548.822.205.549*	*515.106.556.473*	*33.715.649.076*
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT			
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.468.733.057	199.184.382.133	33.715.649.076
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	*918.091.637.496*	*884.375.988.420*	*(33.715.649.076)*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5.972**	**5.726**	**246**

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại như sau:

Số đã trình bày			Số phân loại lại			Chênh lệch	Ghi chú
Tên chỉ tiêu	Mã số	VND	Tên chỉ tiêu	Mã số	VND		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		Số đầu năm	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		Số đầu năm		
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	34.572.210.000	34.572.210.000	Phân loại lại
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	941.138.393.299	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	906.566.183.299	(34.572.210.000)	Phân loại lại

Nguyễn Thị Thu Hương	**Đỗ Thị Hương**	**Vũ Thị Mai Hương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Telecom

DANH BẠ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Văn phòng Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. HN

Văn phòng HCM: Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường 19, KCX Tân Thuận, Tp. HCM

Điện thoại: (84-24) 7300 2222

Fax: (84-24) 3795 0047

Website: www.fpt.vn

Facebook: www.facebook.com/FptTelecom

CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 12A, tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 7300 2222

Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 6297 1197

Website: www.fpt-fti.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 9999

Fax: (84-28) 7300 9998

Website: www.fptonline.vn

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222

Fax: (84-28) 7300 8889

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

Khu vực miền Bắc	
Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 5, Tòa nhà PVI, Số 1 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 47, Đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 74 Hai Bà Trưng, Phường Suối Hoa, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 008, phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Tp. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 584, Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 1, Phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
Chi Nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 132 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	16 Nguyễn Công Trứ, Phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Hải Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 16 - 18 Bà triệu, Phường Phạm Ngũ Lão, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 186 Phố Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Hòa Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	665 Cù Chính Lan, Phường Phương Lâm, Tp. Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình
Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 12, QL5A, Phố Nối, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 322 Đường Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, Tp. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Lào Cai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 228, Đường Hoàng Liên, Tổ 36, Phường Cốc Lếu, Tp. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Nam Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 312 Trần Hưng Đạo, Phường Bà Triệu, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 38 khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 195, Đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tổ 18A, phố Minh Hà, Phường Tiên Cát, Tp. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 177 Nguyễn Văn Cừ,Tổ 4 Khu 1B, Phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 08, Đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, Tp. Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, phường Bồ Xuyên, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 156, Đường Lương Ngọc Quyến, Tổ 13, Phường Quang Trung, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Lô 09, khu nhà ở Thương Mại, Đường Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Tuyên Quang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 236 Đường Quang Trung, Tổ 32, Phường Phan Thiết, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số nhà 120 Đường Mê Linh, Phường Đống Đa, Tp. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Yên Bái - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 822, Đường Điện Biên, Tổ 47, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Khu vực miền Trung	
Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	94 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	182 - 184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	67 Tăng Bạt Hổ - Phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Ninh, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 1,2 tòa nhà 42 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Kon Tum - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	A11 Khu Đô Thị Hưng Phú, Đường Trần Phú, Phường 5, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	22 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 159, Quốc lộ 9, Phường 5, Tp. Đông Hà, Tỉnh QuảngTrị

Khu vực miền Nam	
Chi nhánh Công ty Cổ phần ViễnThông FPT	Lô 37 - 39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	B15, Khu Trung Tâm Thương Mại, Phường 3, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	11 Hai Bà Trưng, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	498 Quốc lộ 14, khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 55 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	190E, Đường 30/04, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	196 Hà Huy Giáp, KP1, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	04 Đường Lý Thường Kiệt , Phường 1 , Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Hậu Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 10 Ngô Quốc Trị, KV3, Phường 5, Tp. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 259 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	38C Trần Phú, Phường 4, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	142 Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, Tỉnh Long An
Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 256 Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Chi nhánh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh SócTrăng
Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 565 - 567 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 6, Phường 3, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 45, Nguyễn Đáng, Khóm 6, Phường 7, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	408B Lê Hồng Phong, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu